

THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Khóa 8 (đợt 2) năm 2020

1. MỤC TIÊU, NGÀNH VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung là đào tạo ở trình độ cao cho các nhà kinh tế, nhà quản trị và các chuyên gia trong các lĩnh vực: Quản lý, nghiên cứu, giảng dạy.

Để đáp ứng mục tiêu trên, người học cần đạt các tiêu chuẩn sau: Có kiến thức, năng lực và chuyên sâu cần thiết theo ngành và chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam.

1.2. Chuyên ngành và môn thi

STT	Tên ngành	Mã ngành	Các môn thi tuyển
1	Lịch sử Việt Nam	8 22 90 13	Môn 1: Triết học Môn 2: Phương pháp luận sử học Môn 3: Ngoại ngữ (*)
2	Quản lý giáo dục	8 14 01 14	Môn 1: Triết học Môn 2: Giáo dục đại cương Môn 3: Ngoại ngữ (*)
6	Văn học Việt Nam	8 22 01 21	Môn 1: Triết học Môn 2: Lý luận văn học Môn 3: Ngoại ngữ (*)
4	Kế toán	8 34 03 01	Môn 1: Toán kinh tế Môn 2: Kinh tế học
5	Quản trị kinh doanh	8 34 01 01	Môn 3: Ngoại ngữ (*)
3	Ngôn ngữ Anh	8 22 02 01	Môn 1: Triết học Môn 2: Language skills, Semantics Môn 3: Ngoại ngữ (*)
7	Công tác xã hội	8 76 01 01	Môn 1: Triết học Môn 2: Nhập môn công tác xã hội Môn 3: Ngoại ngữ (*)
8	Khoa học môi trường	8 44 03 01	Môn 1: Toán cao cấp 2 Môn 2: Cơ sở khoa học môi trường Môn 3: Ngoại ngữ (*)
9	Hệ thống thông tin	8 48 01 04	Môn 1: Toán rời rạc Môn 2: Cơ sở tin học Môn 3: Ngoại ngữ (*)
10	Tài chính – Ngân hàng	8 34 02 01	Môn 1: Toán kinh tế Môn 2: Kinh tế học Môn 3: Ngoại ngữ (*)



(*) **Ngoại ngữ:** Một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung. (Riêng ngành Ngôn ngữ Anh môn ngoại ngữ dự thi đầu vào là tiếng Pháp hoặc tiếng Trung).

1.3. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Học vào các ngày Thứ bảy, Chủ nhật hàng tuần.

2. ĐIỀU KIỆN DỰ THI

2.1. Điều kiện dự thi

Thí sinh dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (*Xem phụ lục 1*).

2.2. Thâm niên công tác

Đối với người có bằng đại học thuộc ngành khác với ngành dự thi, được dự thi vào ngành Quản trị kinh doanh và ngành Quản lý giáo dục sau khi đã học bổ sung kiến thức và có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

2.3. Điều kiện sức khỏe

- Có đủ sức khỏe học tập.
- Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của người học.

3. HÌNH THỨC THI VÀ NGÀY THI TUYỂN

3.1. Hình thức thi

- Tất cả các môn thi theo hình thức vấn đáp, thời gian 25 phút/môn/người.
- Riêng môn ngoại ngữ thi bốn kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, Viết.
+ Nói: Thi vấn đáp 20 phút.
+ Nghe, Đọc, Viết: Thi tự luận 135 phút.

3.3. Ngày thi tuyển

- Dự kiến ngày thi tuyển: Ngày 21, 22 tháng 11 năm 2020.
- Địa điểm thi: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
- Nhà trường tổ chức lịch ôn tập dự kiến vào tháng 10,11 năm 2020. Thông tin chi tiết tại địa chỉ : <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn>

3.4. Chỉ tiêu dự kiến: Theo quy định.

4. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI NGOẠI NGỮ

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ theo quy định (*Xem phụ lục 2*).

Các chứng chỉ trên còn trong thời hạn có giá trị theo quy định.

5. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG TUYỂN

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi.

- Nhà trường ưu tiên xét tuyển thẳng đối với thí sinh học tại Trường trong 5 năm kể từ khi tốt nghiệp, đăng ký dự tuyển đúng chuyên ngành có kết quả trung bình tích lũy đạt 8,0 trở lên và được giảm 50% học phí trong năm đầu tiên của khóa học.

6. TỔ CHỨC HỌC BỔ TÚC KIẾN THỨC

Tháng 08, 09, 10 năm 2020.

7. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

- Học phí bổ túc kiến thức: 1.170.000 đồng/học phần.
- Học phí ôn thi: 1.170.000 đồng/học phần.
- Lệ phí đăng ký thi: 60.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí tuyển sinh: 200.000 đồng/môn.
- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/ hồ sơ.

*** *Hình thức nộp:***

- Nộp tiền mặt tại Trung tâm tuyển sinh cổng 3, Trường Đại học Thủ Dầu Một (bộ phận thu phí, lệ phí).
- Chuyển khoản vào tài khoản: Đơn vị thụ hưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một - Số tài khoản: **65010000465078** tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương. Nội dung và cú pháp nộp tiền (*xem phụ lục 4*).

- Học viên đóng tiền qua ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do Ngân hàng hoặc Kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục sau này.

8. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh hoặc **Hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tuyến** tại:

<https://saudaihoc.tdmu.edu.vn> ; https://trungtamtuyensinh@tdmu.edu.

- Nhận hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh – Trường Đại học Thủ Dầu Một từ ngày 15/7/2020 đến 15/11/2020.

8.1. Hồ sơ đăng ký thi tuyển

Thí sinh căn cứ vào các điều kiện quy định ở trên, có nhu cầu đăng ký nộp hồ sơ dự thi tuyển, khi trúng tuyển không được đổi chuyên ngành đào tạo. **Hồ sơ đăng ký thi tuyển bao gồm:**



- Phiếu đăng ký dự thi;
- Lý lịch khoa học (xác nhận của cơ quan/địa phương);
- 02 bản sao bằng đại học (có công chứng);
- 02 bảng điểm đại học (có công chứng);
- Phiếu khám sức khỏe (trong thời hạn 6 tháng);
- Giấy giới thiệu của cơ quan hoặc bản sao hợp đồng làm việc (nếu có);
- Chứng chỉ ngoại ngữ/bằng cử nhân ngoại ngữ (có công chứng);
- Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (có công chứng);
- 03 ảnh 3x4 (ghi rõ tên vào mặt sau ảnh);
- 02 giấy CMND (có công chứng)
- 02 phong bì có dán tem và ghi địa chỉ.

8.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Đối đối tượng:

+ Người tốt nghiệp Trường Đại học Thủ Dầu Một và các trường khác trong cả nước hệ đại học chính quy, văn bằng 2 chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10), có kết quả rèn luyện cuối khoá xếp từ loại khá trở lên. Trong thời gian 60 tháng kể từ ngày ký quyết định tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển.

+ Người tốt nghiệp đại học các chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp (PFIEV);

+ Người tốt đại học các chương trình đã được kiểm định ABET còn trong thời gian hiệu lực;

+ Người tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của ĐHQG; Chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam có điểm trung bình tích lũy từ 7,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10); người tốt nghiệp đại học từ các chương trình đã được kiểm định AUN-QA còn trong thời gian hiệu lực có điểm trung bình tích lũy từ 7,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10) ngành đúng với ngành đăng ký xét tuyển. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký quyết định tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển.

Lưu ý: Trường hợp bảng điểm đại học theo hệ 4 phải có xác nhận điểm theo hệ 10 của cơ sở đào tạo.

+ Có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (*xem phụ lục 2*). Nếu ứng viên chưa có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như quy định thì phải đăng ký thi ngoại ngữ cùng với kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ theo thông báo của Trường.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ gồm:

- + Đơn đăng ký xét tuyển thẳng đào tạo trình độ thạc sĩ.
- + Bản sao công chứng bảng điểm (còn hạn 12 tháng).
- + Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học.
- + Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ, thuộc một trong những văn bằng, chứng chỉ (*phụ lục 2*).
- + Bản photo Giấy chứng nhận về thành tích trong học tập, nghiên cứu khoa học..(nếu có).
- + Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi cấp quốc gia (nếu có).
- + Bài luận về đề tài nghiên cứu.
- + Bài viết tham dự hội thảo khoa học được đăng toàn văn trong kỷ yếu khoa học cấp Trường hoặc Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên (nếu có).
- + Sơ yếu lý lịch có chứng thực tại địa phương hoặc cơ quan công tác, còn hạn 12 tháng.
- + Giấy khám sức khỏe (còn thời hạn trong 06 tháng).
- + 03 ảnh 3x4 (ghi rõ tên vào mặt sau ảnh);
- + 02 giấy CMND (có công chứng)

Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Tuyển sinh - Trường Đại học Thủ Dầu Một
 Số 06, Trần Văn Ông, Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
 Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341
 Website: www.tdmu.edu.vn - Email: tuyensinh@tdmu.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Hội đồng Trường;
- Các PHT;
- Các Cơ quan, Ban, Ngành;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website Trường và ĐTSĐH;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Ngô Hồng Diệp



Phụ lục I
ĐIỀU KIỆN VĂN BẰNG ĐỐI VỚI CÁC CHUYÊN NGÀNH DỰ THI

Ngành	Đối tượng dự thi (Không học bổ túc kiến thức)	Đối tượng học bổ túc kiến thức	Các môn học bổ túc kiến thức (2 tín chỉ/học phần)
Hệ thống thông tin	Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Khoa học máy tính; Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Kỹ thuật máy tính; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; An toàn và bảo mật thông tin; Tin học; Tin học quản lý; Tin học ứng dụng; Tin học công nghiệp; Thương mại điện tử; Hệ thống thông tin kinh tế; Sư phạm tin học; Sư phạm công nghệ thông tin; Toán tin.	Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Sư phạm toán; Toán học; Toán cơ; Toán ứng dụng; Khoa học tính toán; Thông kê; Tin học môi trường; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	<ul style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở dữ liệu. 2. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật. 3. Lập trình hướng đối tượng. 4. Phân tích và thiết kế hệ thống.
Quản trị kinh doanh	Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Quản trị kinh doanh.	<u>Nhóm 1:</u> Tốt nghiệp đại học thuộc các nhóm ngành Kinh tế học; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán; Quản trị - Quản lý. <u>Nhóm 2:</u> Tốt nghiệp đại học các ngành Khoa học giáo dục; Nghệ thuật; Nhân văn; Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Pháp luật; Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất	<u>Nhóm 1:</u> 1. Quản trị tài chính. 2. Quản trị chuỗi cung ứng. 3. Quản trị chất lượng. <u>Nhóm 2:</u> 1. Quản trị tài chính. 2. Quản trị chuỗi cung ứng. 3. Quản trị chất lượng. 4. Quản trị học. 5. Kinh tế vi mô.

	và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông - lâm nghiệp và thủy sản; Thú y; Sức khỏe; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh – quốc phòng; Công tác xã hội; Bảo hộ lao động.	
Công tác xã hội	Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Công tác xã hội; Xã hội học; Tâm lý học; Phụ nữ học; Giới; Phát triển Cộng Đồng; Giáo dục học; Chính trị học; Nhân học.	<p>Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn, Văn hóa học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Dân tộc học, Hành chính học, cử nhân các ngành ngoại ngữ (tiếng Anh, Pháp, Hoa, Nhật Bản, Hàn...), Kinh tế, Kinh tế chính trị, Y tế công cộng, Môi trường, cử nhân các ngành Sư phạm, Luật, Y khoa, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước.</p> <p>1. Nhập môn Công tác xã hội. 2. Công tác xã hội cá nhân. 3. Công tác xã hội nhóm. 4. Phát triển cộng đồng. 5. Hành vi con người và môi trường.</p>
Khoa học môi trường	Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Khoa học Môi Trường, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường.	<p>Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Sinh học, Địa lý môi trường, Kinh tế môi trường, Khoa học đất và hóa học.</p> <p>1. Quản lý môi trường. 2. Đại cương Công nghệ môi trường. 3. Cơ sở khoa học môi trường.</p>

Văn học Việt Nam	Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Văn học, Ngữ văn, Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ học, Hán Nôm.	<p>Tốt nghiệp đại học các ngành gần như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngữ văn Trung Quốc, Ngữ văn Anh, Ngữ văn Pháp, Ngữ văn Nga, Ngữ văn Đức, Ngữ văn Nhật, Ngôn ngữ và văn hóa Phương Đông; + Văn hóa học, Việt Nam học, Văn hóa dân tộc, Văn hóa quần chúng, Du lịch; + Lí luận Mĩ thuật, Lí luận Nghệ thuật, Lí luận Âm nhạc, Lí luận Sân khấu, Lí luận Điện ảnh; + Triết học, Nhân học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Châu Á học, Báo chí, Truyền thông đại chúng. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Những vấn đề cơ bản của văn học trung đại Việt Nam. 2. Những vấn đề cơ bản của văn học hiện đại Việt Nam. 3. Văn học, nhà văn, bạn đọc. 
Kế toán	Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán.	Tốt nghiệp đại học thuộc các nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - ngân hàng - Bảo hiểm, Quản trị - Quản lý.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kế toán tài chính. 2. Kế toán chi phí. 3. Kế toán quản trị. 4. Phân tích hoạt động kinh doanh. 5. Kiểm toán căn bản.
Quản lý giáo dục	Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Quản lý Giáo dục, Tâm lý học, Giáo dục học.	<p><u>Nhóm 1:</u> Tốt nghiệp đại học các ngành, chuyên ngành Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Khối ngành Sư phạm.</p> <p><u>Nhóm 2:</u> Học viên có bằng tốt nghiệp đại học không bao gồm các chuyên ngành đã liệt kê như trong nhóm 1. Hiện đang công tác trong ngành Giáo dục đào tạo hoặc</p>	<p><u>Nhóm 1:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý hành chính nhà nước. 2. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. 3. Khoa học quản lý. <p><u>Nhóm 2:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý hành chính nhà nước. 2. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. 3. Khoa học quản lý.

		liên quan đến Giáo dục và đào tạo.	4. Tâm lý học. 5. Giáo dục học.
Lịch sử Việt Nam	Tuyển sinh đối tượng có văn bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Lịch sử Việt Nam; Lịch sử (chung); Sư phạm Lịch sử; Lịch sử Thế giới; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Sử - Chính trị; Xây dựng Đảng; Khảo cổ học; Lưu trữ học và Quản trị văn phòng; Bảo tàng học và Di sản; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học.	<p><u>Nhóm 1:</u> Học viên tốt nghiệp các ngành phù hợp: Chính trị học; khoa học chính trị; Đông phương học; Việt Nam học; Dân tộc học; Nhân học; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam.</p> <p><u>Nhóm 2:</u> Học viên tốt nghiệp các ngành: Văn học; Văn hóa học; Báo chí; Thư viện; Giáo dục học; Châu Á học; Quốc tế học; Quan hệ quốc tế; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.</p>	<p><u>Nhóm 1:</u></p> <ol style="list-style-type: none">1. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới.2. Lịch sử sử học thế giới.3. Lịch sử sử học Việt Nam. <p><u>Nhóm 2:</u></p> <ol style="list-style-type: none">1. Đại cương lịch sử thế giới.2. Đại cương lịch sử Việt Nam.3. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới.4. Truyền thống dựng nước và giữ nước trong lịch sử Việt Nam.
Ngôn ngữ Anh	Tuyển sinh đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Anh.		
Tài chính Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng; Ngân hàng; Tài chính; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Phân tích và Đầu tư tài chính; Đầu tư; Đầu tư quốc tế; Đầu tư chứng khoán; Bảo hiểm; Tài chính- Ngân hàng- Bảo hiểm.	<p><u>Nhóm 1:</u> Kinh tế học, Kinh tế đối ngoại, Kinh doanh, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Kinh doanh và Quản lý.</p> <p>.</p>	<ol style="list-style-type: none">1. Tiền tệ - Ngân hàng.2. Thị trường tài chính.3. Tài chính doanh nghiệp.

Lưu ý: Trường hợp các văn bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục. Hướng dẫn quy trình công nhận văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp tại: <https://naric.edu.vn/huong-dan-quy-trinh-cnvb-co-so-giao-duc.html>



Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	CEFR	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
Cấp độ 3	B1*	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK 3	JLPT N4

* Theo Thông báo số 691/TB-QLCL Ngày 08 tháng 05 năm 2020 của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế; Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Thái Nguyên; Trường Đại học Cần Thơ; Trường Đại học Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Vinh; Học viện An ninh nhân dân; Trường Đại học Sài Gòn; Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Trà Vinh; Trường Đại học Văn Lang



Phụ lục III
ĐIỀU KIỆN VĂN BẰNG ĐỐI VỚI CÁC CHUYÊN NGÀNH XÉT TUYỂN

STT	Ngành đại học	Ngành dự xét tuyển thạc sĩ
1	Lịch sử Việt Nam; Lịch sử (chung); Sư phạm Lịch sử; Lịch sử Thế giới; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Sử - Chính trị; Xây dựng Đảng; Khảo cổ học.	Lịch sử Việt Nam
2	Quản lý Giáo dục, Tâm lý học, Giáo dục học.	Quản lý giáo dục
3	Văn học, Ngữ văn, Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ học, Hán Nôm.	Văn học Việt Nam
4	Kế toán, Kiểm toán.	Kế toán
5	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
6	Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Anh.	Ngôn ngữ Anh
7	Công tác xã hội; Xã hội học; Tâm lý học; Phụ nữ học; Giới; Phát triển Cộng Đồng; Giáo dục học; Chính trị học; Nhân học.	Công tác xã hội
8	Khoa học Môi Trường, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường.	Khoa học môi trường
9	Khoa học máy tính; Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Kỹ thuật máy tính; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; An toàn và bảo mật thông tin; Tin học; Tin học quản lý; Tin học ứng dụng; Tin học công nghiệp; Thương mại điện tử; Hệ thống thông tin kinh tế; Sư phạm tin học; Sư phạm công nghệ thông tin; Toán tin.	Hệ thống thông tin
10	Tài chính – Ngân hàng, Ngân hàng, Tài chính, Tài chính quốc tế, Tài chính doanh nghiệp, Phân tích và đầu tư Tài chính, Đầu tư, Đầu tư quốc tế, Đầu tư chứng khoán, Bảo hiểm, Tài chính – Ngân hàng- Bảo hiểm...	Tài chính – Ngân hàng



Phụ lục IV
HƯỚNG DẪN THỦ TỤC VÀ CÚ PHÁP ĐÓNG TIỀN QUA TÀI KHOẢN

1. Mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh Khóa 8 (đợt 2) năm 2020 và hình thức nộp

*** Mức thu**

- Học phí bổ túc kiến thức: 1.170.000 đồng/học phần.
- Học phí ôn thi: 1.170.000 đồng/học phần.
- Lệ phí đăng ký thi: 60.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí tuyển sinh: 200.000 đồng/môn.
- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/ hồ sơ.

*** Hình thức nộp**

- Chuyển tiền vào tài khoản, đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Thủ Dầu Một
- Số tài khoản: 65010000465078 tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương.

2. Cú pháp nộp tiền

- Nộp tiền bổ túc kiến thức như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
BTK8	Nguyễn văn A	

- Nộp tiền ôn tập dự thi như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
OTK8	Nguyễn văn A	

- Nộp tiền lệ phí thi 02 môn như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
PTK802	Nguyễn văn A	460.000	

- Nộp tiền lệ phí thi 03 môn như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
PTK803	Nguyễn văn A	660.000	

- Nộp tiền lệ phí xét tuyển như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
PXTK8	Nguyễn văn A	560.000	

Chú ý: Thí sinh đóng tiền qua Ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do ngân hàng hoặc kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục sau này

Ví dụ: Nộp tiền bổ túc kiến thức

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
BTK8	Nguyễn văn A	12345678	3.510.000đ	03 môn